TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ L
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 22/4/2024
"V/v: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ L, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân. Ông Lê Như Toản và bà Lê Thu Thuý

- Th¬ư ký phiên tòa. Ông Phạm Anh Tuấn - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hạ L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ L tham gia phiên toà: Ông Trần Anh Linh - kiểm sát viên

Ngày 22/4/2024, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Hạ L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 360/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2023 về việc " *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đ¬ưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn. Anh **Đặng Phong N**, sinh năm 1973. Nơi thường trú: Tổ 14A, khu 7A, phường H2, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị Thu H,** sinh năm 1978. Nơi thường trú: Tổ 14A, khu 7A, phường H2, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn anh Đặng Phong N trình bày:

Anh và chị Vũ Thị Thu H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/02/2004, tại Uỷ ban nhân dân phường Cao Xanh, thành phố Hạ L. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép; trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến

Chỉnh sửa bằng WPS Office

năm 2020 thì mâu thuẫn căng thẳng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; chị H cư xử với chồng và gia đình nhà chồng không có trách nhiệm, không tôn trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn còn do tính cách vợ chồng không hợp nhau; từ đó không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Hầu như tất cả mọi việc trong gia đình anh đều phải gánh vác. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Anh đã chủ động sống ly thân và ăn riêng từ tháng 3 năm 2023 đến nay.

Sau khi anh gửi Đơn ly hôn đến Toà án, chị H đã gửi Đơn đến Cơ quan anh đang công tác để yêu cầu xử lý anh về việc anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Hiện nay Cơ quan anh đang giải quyết Đơn của chị H. Anh khẳng định anh không có quan hệ ngoại tình. Do vậy, việc chị H gửi Đơn yêu cầu xử lý anh đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của anh, đồng thời cũng làm cho tình cảm của anh giành cho chị H không còn nữa. Anh thấy cuộc sống vợ chồng quá mệt mỏi từ nhiều năm nay; đến nay vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau; anh đã suy nghĩ thấu đáo nên anh viết đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn giữa chị và anh N chị xác nhận như anh N đã trình bày là đúng. Về quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn chỉ có những mâu thuẫn nhỏ. Chị khẳng định anh N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và chị xác nhận có việc chị làm đơn gửi đến Cơ quan anh N công tác để yêu cầu xử lý việc ngoại tình của anh N; tuy nhiên đến nay chưa có kết quả giải quyết. Chị xác định ít nhiều vẫn còn tình cảm với anh N; chị cũng không muốn vợ chồng ly hôn ảnh hưởng đến con cái và danh dự của hai bên gia đình nội, ngoại. Vì vậy, anh N xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn với anh N.

***Về con chung:**

Anh N và chị H trình bày: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là Đặng Thành Tr, sinh ngày 23/12/2004 và Đặng Hải L, sinh ngày 09/02/2012.

Quan điểm của anh N: Tại Đơn khởi kiện, anh N đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng coin chung Đặng Hải L; còn con chung Đặng Thành Tr đã thành niên, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quan điểm của chị H: Nếu ly hôn, đề nghị Toà án giao con chung Đặng Hải L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung Đặng Thành Tr đã thành niên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, anh N cũng đồng ý với quan điểm của chị H về việc giao con chung Đặng Hải L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Chỉnh sửa bằng WPS Office

Quan điểm của anh N: Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Hải L số tiền 3.000.000 đồng/tháng

Quan điểm của chị H: Đồng ý với quan điểm của anh N.

*** Về tài sản chung**: Anh N và chị H đều có quan điểm quá trình chung sống vợ chồng có nhà đất và ô tô là tài sản chung. Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, anh chị không vay nợ của cá nhân, tổ chức nào.

Qua xác minh tại tổ 4A, khu 7A, phường H2, thành phố Hạ L nơi anh chị sinh sống, đại diện khu 7A cung cấp thông tin nội dung: Anh N và chị H sống tại địa pH luôn chấp hành tốt quy định của địa pH, pháp luật của nhà nước. Về mâu thuẫn vợ chồng cụ thể ông không nắm được. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung đang sống cùng anh chị; cháu lớn đã trưởng thành; cháu nhỏ hiện đang đi học và phát triển bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng con chung chưa thành niên của anh N và chị H, cháu Đặng Hải L có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ là chị Vũ Thị Thu H.

Ông Đặng Văn Mộc, sinh năm 1949. Nơi thường trú: Xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - là bố đẻ của anh Đặng Phong N có Đơn xác nhận, nội dung thể hiện: Quá trình anh N và chị H chung sống thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Năm 2023 anh N và chị H có về báo cáo gia đình biết sự việc của hai vợ chồng. đã được gia đình hoà giải, phân tích lý lẽ đúng sai, nhưng đến nay những mâu thuẫn của anh chị ngày càng sâu sắc, không thể hàn gắn được. Ông đề nghị Toà án chấp thuận cho anh N và chị H được ly hôn để ổn định cuộc sống, công tác và làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ L tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn anh Đặng Phong N có địa chỉ thường trú tại thành phố Hạ L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hạ L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chỉnh sửa bằng WPS Office

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Phong N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh N và chị H đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2004; đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn diễn ra bình thường; thỉnh thoảng có mâu thuẫn thể hiện bằng việc vợ chồng bất đồng quan điểm, chiến tranh lạnh, không trao đổi, chia sẻ với nhau. Anh N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do chị H là người sống không tình cảm, không có trách nhiệm với gia đình, với chồng và gia đình nhà chồng; mọi việc trong gia đình anh đều phải gánh vác nên anh thấy rất mệt mỏi và thấy chị H cũng không còn tình cảm với anh nữa. Chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng diễn ra căng thẳng từ khoảng đầu năm 2023, do anh N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Trước sự mâu thuẫn vợ chồng, chị H đã dùng cách giải quyết là gửi đơn đề nghị xử lý việc anh N ngoại tình đến cơ quan nơi anh N đang công tác; tuy nhiên chị H chưa cung cấp bằng chứng và đến nay chưa có kết luận chính thức của cơ quan anh N. Do mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến anh N chủ động ăn riêng và sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Toà án đã tiến hành hoà giải để anh chị về đoàn tụ nhưng anh N vẫn cương quyết xin ly hôn và anh xác định không còn tình cảm với chị H nữa. Tại phiên toà, chị H có quan điểm tuy hiện nay vợ chồng căng thẳng, không chia sẻ, trao đổi với nhau hàng ngày, sống ly thân; anh chị chũng không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ với hai bên gia đình nội, ngoại nhưng chị thấy điều đó hoàn toàn bình thường và đến nay ít nhiều chị vẫn còn tình cảm với anh N. Chị đưa ra biện pháp khắc phục mâu thuẫn là yêu cầu anh N cùng chị tổ chức cuộc họp có sự tham gia của hai bên gia đình nội, ngoại, đại diện của 02 cơ quan nơi anh chị đang công tác, đại diện của hai bên gia đình, các con của anh chị và hàng xóm, láng giềng, để cả anh và chị cùng tự kiểm điểm bản thân, ai có lỗi thì phải sửa chữa. Tuy nhiên, anh N không đồng ý với những cách giải quyết mâu thuẫn của chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng; anh chị không thể tìm được tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau; không có biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N, cho anh N ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung: Anh chị cùng có quan điểm thống nhất quan điểm giao con chung chưa thành niên Đặng Hải L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị H có chỗ ở, có thu nhập ổn định và đảm bảo các điều kiện về dạy dỗ, giáo dục con chung; nguyện vọng của cháu Đặng Hải L cũng muốn ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận và giao con chung Đặng Hải L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Đặng Thành Tr đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần; anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N và chị H thống nhất anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đặng Hải L số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, đây là sự

Chỉnh sửa bằng WPS Office

thoả thuận tự nguyện của anh chị; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Anh N và chị H có quan điểm tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Phong N.

[3] Về án phí: Do yêu cầu xin ly hôn của anh N được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh N và chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án của Uỷ ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Phong N về việc: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung.

1.1 Anh Đặng Phong N được ly hôn với chị Vũ Thị Thu H.

1.2 Về con chung: Giao con chung Đặng Hải L cho chị Vũ Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Phong N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Vũ Thị Thu H số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi con chung Đặng Hải L đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung: Anh Đặng Phong N và chị vũ Thị Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Phong N chịu 300.000đ (Ba trăm

Chỉnh sửa bằng WPS Office

nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000242 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm anh N phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đặng Phong N và chị Vũ Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hạ L;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Chi cục thi hành án DS TP Hạ L;
-Các đương sự;
- UBND phường Cao Xanh, TP Hạ L;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Thanh

Chỉnh sửa bằng WPS Office